

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
Bản án số: 27/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 07/7/2020
V/v: “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con khi ly hôn”.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Dung;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thu Hương;

Bà Lê Thị Hiệu

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:
Bà Cù Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử công khai vụ án HNGĐ phúc thẩm thụ lý số 20 /2020/TL- PT ngày 02 tháng 6 năm 2020, về việc tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Do bản án số 07/2020/HNGĐ -ST ngày 22 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện HT bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐ-PT ngày 11/6/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh TVG - Sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn TX 3, xã HL, huyện HT, tỉnh Thanh Hoá

2. Bị đơn: Chị NTY - Sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn TX 3, xã HL, huyện HT, tỉnh Thanh Hoá

Hiện đang ở: Thôn 3 mới, xã QH, TP. SS, Thanh Hóa.

Tại phiên toà có mặt chị NTY. vắng mặt anh TVG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 08/01/2020 và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn anh TVG trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Anh TVG và chị NTY kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, tổ chức cưới vào tháng 5/2015 và được UBND xã QH, TP. SS, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/5/2015. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 9/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là trong thời gian anh đi làm xa và do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường hay chửi bới cãi vã nhau, nhiều lần anh nhắc nhở nhưng vẫn không được. Từ cuối tháng 9/2019 đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin được ly hôn chị NTY.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là cháu TVĐ - Sinh ngày: 23/10/2015.

Hiện nay cháu đang ở với anh, nếu vợ chồng ly hôn nguyện vọng của anh là xin được nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu chị NTY phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Nếu chị NTY nuôi con thì anh cấp dưỡng nuôi con cùng chị NTY mỗi tháng là 2.000.000đồng. Hiện nay anh làm nghề đầu bếp thu nhập 15.000.000đ/tháng.

- *Về tài sản:* Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 05/02/2020 và trong quá trình xét xử chị NTY trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị với anh TVG, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới vào tháng 5/2015 và được UBND xã QH, TP. Sầm Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng sau khi kết hôn sinh sống bình thường, anh TVG đi làm ăn xa nhưng vẫn về và vợ chồng có tranh cãi về việc chị đi làm và hai mẹ con ở dưới ngoại. Đến tháng 9/2019 anh thuyết phục và chị đã ra Hà Nội làm việc, đến ngày 20/9/2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do chị xin phép anh đi uống nước với bạn, khi về anh tra hỏi, vợ chồng cãi nhau anh TVG đập điện thoại và đánh chị, ngày hôm sau anh tiếp tục tra hỏi và đánh chị nên chị bỏ ra khỏi nhà trọ nên từ đó vợ chồng sống ly thân, có vài lần gặp nhau nhưng lại cãi nhau. Nay anh TVG có đơn xin ly hôn nguyện vọng chị cũng đồng ý vì xét thấy tình cảm vợ

chồng cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị cũng xin được ly hôn anh TVG.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung cháu TVĐ - Sinh ngày 23/10/2015. Hiện nay cháu đang ở với anh TVG. Nếu vợ chồng ly hôn nguyện vọng của chị là xin được nuôi con và không yêu cầu anh TVG cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Nếu anh TVG được nuôi con thì chị cấp dưỡng nuôi con cùng anh TVG mỗi tháng là 2.000.000đồng. Hiện nay chị làm nghề đầu bếp thu nhập 15.000.000đồng/tháng.

- *Về tài sản*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án số 07/2020/DS-ST ngày 22/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện HT đã Quyết định:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án.

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh TVG và chị NTY.

Về nuôi con chung: Công nhận vợ chồng có 01 con chung cháu: TVĐ - Sinh ngày 23 tháng 10 năm 2015. Giao con chung TVĐ cho anh TVG trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị NTY phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh TVG mỗi tháng là 2.000.000^d (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2020 đến khi cháu TVĐ đủ 18 tuổi.

Chị NTY có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về tài sản, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

** Ngày 03/5/2020, bị đơn chị NTY có đơn kháng cáo với nội dung:*

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm số 07/2020/HNGĐ – ST ngày 22/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện HT về phần quyết định: “ Giao con chung TVĐ cho anh TVG trực tiếp nuôi dưỡng”. Yêu cầu Tòa án tỉnh Thanh Hóa giải quyết cho chị NTY được quyền trực tiếp nuôi cháu

TVĐ và buộc anh TVG phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu 18 tuổi.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Khoản 3 Điều 296; Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh TVG và sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao cháu TVĐ cho chị NTY được quyền trực tiếp nuôi và buộc anh TVG phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu 18 tuổi.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe lời trình bày, tranh luận của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn chị NTY kháng cáo trong thời hạn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa vắng mặt anh TVG, nhưng anh đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Việc vắng mặt của anh TVG không làm cản trở cho việc giải quyết vụ án nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh TVG theo quy định tại Khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh TVG yêu cầu Tòa án: giải quyết cho anh được ly hôn với chị NTY và giải quyết về con chung. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng.

[3] Xét nội dung kháng cáo của chị NTY thấy rằng: Anh TVG và chị NTY có 01 con chung là cháu: TVĐ - Sinh ngày: 23/10/2015. Ly hôn chị NTY và anh TVG

đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu TVĐ. Xét thấy nguyện vọng được nuôi con của anh, chị là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên. Chị NTY và anh TVG đều có công việc làm, có thu nhập ổn định và đều có khả năng chăm sóc con.

Từ tháng 3/2016 – tháng 9/2019 cháu TVĐ còn nhỏ, anh TVG đi làm ăn ở Hà nội thì cháu ở với chị NTY và gia đình bên ngoại ở QH, TP. SS, cháu được chị NTY đảm bảo việc học tập và chăm sóc tốt. Từ tháng 9/2019 anh TVG đón cháu TVĐ về bên nội. Ở giai đoạn sơ thẩm, cả hai anh chị đều làm việc ở Hà Nội, do cháu TVĐ đang ở với bên nội nên tòa cấp sơ thẩm đã giao cho anh TVG là người trực tiếp nuôi cháu TVĐ để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và sinh hoạt của cháu. Tuy nhiên, anh TVG đi làm ăn xa cũng không có điều kiện thường xuyên ở bên con, cháu TVĐ chủ yếu sống với ông bà nội. Ngoài ra theo những nội dung tin nhắn giữa chị NTY và anh TVG được chị NTY xuất trình trong quá trình giải quyết vụ án (BL 67 - 77) thì chị NTY luôn mong muốn được nuôi con, được gặp gỡ, trò chuyện cùng con, nhưng anh TVG có biểu hiện hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung của chị NTY. Sau khi xử sơ thẩm, với nguyện vọng tha thiết được trực tiếp nuôi con, từ 01/6/2020 chị NTY đã chuyển công việc về thành phố Thanh Hóa để có điều kiện gần gũi, chăm sóc con còn nhỏ. Do vậy để đảm bảo quyền lợi cho cháu TVĐ nên chấp nhận kháng cáo giao cháu TVĐ cho chị NTY trực tiếp nuôi dưỡng, anh TVG có có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu 18 tuổi.

[4] Về án phí: Chị NTY không phải nộp án phí HNGĐ phúc thẩm.

[5] Các nội dung khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 296; Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của chị NTY. Sửa bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 07/2020/HNGĐ – ST ngày 22/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện HT.

Về con chung: Công nhận anh TVG và chị NTY có 01 con chung cháu TVĐ - Sinh ngày 23 tháng 10 năm 2015. Giao cháu TVĐ cho chị NTY trực tiếp nuôi dưỡng, anh TVG cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị NTY mỗi tháng là 2.000.000^d (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2020 đến khi cháu TVĐ đủ 18 tuổi. Anh TVG có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

5. Án phí: Chị NTY không phải nộp án phí HNGĐ phúc thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu số AA/2019/0009097 ngày 04/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện HT;
- TAND huyện HT;
- Chi cục THADS huyện HT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Dung